TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN CHÂU** **TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Bản án số: 93/2021/HSST Ngày 12 - 7 - 2021	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Hải.

2. Ông Lường Văn Duôi.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Trần Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Thuận Châu tham gia phiên toà***: Ông Hoàng Minh Quốc - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân huyện Thuận Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 82/2021/TLST-HS ngày 12/5/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2021/QĐXXST-HS ngày 04/6/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2021/QĐXXST-HS ngày 17/6/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2021/QĐXXST-HS ngày 01/7/2021 đối với bị cáo:

Lèo Văn T, tên gọi khác: Không; sinh năm 1991 tại huyện S, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản P, xã N, huyện S, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lèo Văn P (đã chết) và bà: Lò Thị X, sinh năm 1967; bị cáo có vợ là Lò Thị X, sinh năm 1992 và 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2014; không tiền án, tiền sự; nhân thân: Tại Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 25/4/2016 của Ủy ban nhân dân xã N, huyện S áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, thời hạn 03 tháng; Tại Quyết định số 65/QĐ-UBND ngày 25/4/2016 bị UBND xã N, huyện S áp dụng biện pháp hỗ trợ cắt cơn cai nghiện; bị bắt truy nã, tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/3/2021 đến nay, có mặt.

* Bị hại: Anh Lò Văn M, sinh năm 1996, trú tại: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Sơn La, có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Cầm Văn U, sinh năm 1994, trú tại: Bản N, xã Ci, huyện M, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 10 phút ngày 29/6/2020, Lèo Văn T, sinh năm 1991, trú tại bản P, xã N, huyện S, tỉnh Sơn La đến nhà anh Lò Văn M, sinh năm 1996, trú tại bản L, xã P, huyện T (là em họ của T) để nhờ anh M đưa T về nhà ở xã N, huyện S, tỉnh Sơn La, nhưng do anh M bận đi làm nương nên T ngủ lại nhà anh M. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, anh M đi làm nương về dựng chiếc xe mô tô mang BKS 26B1 - 268.25 ở sân trước cửa nhà vẫn cắm chìa khóa xe ở ổ khóa, sau đó anh M sử dụng một chiếc xe mô tô khác để đi đá bóng ở xã L, huyện T. Khi T thức dậy nhìn thấy bà Lò Thị B, sinh năm 1976 là mẹ đẻ của anh M đang thu thóc phơi ở sân thì T ngồi lên chiếc xe mô tô BKS 26B1 - 268.25 của anh M và hỏi mượn bà B chiếc xe để đi đến nhà cậu Tỉnh Thương, nhà ở bản Púng, xã Púng Tra chơi thì bà B đồng ý và bảo T xem xe hết xăng chưa. T lắc bình xăng thấy vẫn còn xăng nên điều khiển xe đi. Sau khi lấy được xe mô tô BKS 26B1 - 268.25 của anh M đi thì T nảy sinh ý định đem chiếc xe này đi cầm cố cho người khác để lấy tiền tiêu sài. T đã điều khiển xe đi đến nhà anh Lò Văn A, sinh năm 1975, trú tại bản T, xã T, huyện T (là anh họ của T) mượn mũ bảo hiểm rồi tiếp tục điều khiển xe đi đến khu vực bản P, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La thì xe mô tô hết xăng nên T đã cầm cố chiếc xe mô tô BKS 26B1 - 268.25 cho một người đàn ông không quen biết được 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) và do trời tối nên T đã ngủ tại Bản P, xã C, huyện M. Đến sáng ngày 30/6/2020 T đến nhà anh Cầm Văn U, sinh năm 1994, trú tại bản N, xã Ci, huyện M (là người quen biết trước đây của T) nhờ anh U chuộc lại chiếc xe mô tô BKS 26B1 - 268.25. Anh U vay được số tiền 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) giúp T chuộc lại được chiếc xe mô tô BKS 26B1 – 268.25. T đề nghị cầm cố chiếc xe cho anh U với giá 3.000.000đ (ba triệu đồng), anh U đồng ý nhưng do đã bỏ ra số tiền 600.000 (sáu trăm nghìn đồng) để chuộc xe cho T nên U chỉ đưa cho T số tiền 2.400.000đ (hai triệu bốn trăm nghìn đồng), T đồng ý. Sau khi nhận xe, U đem gửi tại nhà của Cầm Văn P, sinh năm: 1970, trú tại: Bản N, xã Ci, huyện M.

Sau khi bán được xe thì Lèo Văn T đã sử dụng hết 2.400.000đ vào mục đích cá nhân và đến ở lán nương của ông Lèo Văn O, sinh năm 1975, cùng trú tại bản P, xã N, huyện S (là chú của T) sống khoảng 30 ngày rồi T lang thang ở nhiều nơi (không về nhà), trốn tránh triệu tập của Cơ quan Cảnh sát điều tra. Đến ngày 24/12/2020 do T sống lang thang tại Thành phố Hải Phòng nên được đưa vào Trường Lao động xã hội Thanh Xuân, tại phường Thành Tô, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng.

Sau khi cho Lèo Văn T mượn xe mô tô BKS 26B1 - 268.25 nhưng không thấy đem trả nên ngày 30/6/2020 anh Lò Văn M đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Châu điều tra làm rõ, ngày 14/7/2020 quá trình điều tra đã thu giữ được chiếc xe mô tô BKS 26B1 - 268.25 của anh Lò Văn M tại nhà của Lò Văn P. Đến ngày 06/10/2020 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Châu đã Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra Lệnh bắt bị can để tạm giam đối: Lèo Văn T, về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, quy định tại Khoản 1- Điều 175 BLHS, tuy nhiên quá trình xác minh T không có mặt tại địa phương nên đến ngày

09/11/2020 Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy nã đối với Lèo Văn T. Đến ngày 23/3/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Châu bắt được Lèo Văn T khi T đang được nuôi dưỡng, chăm sóc tại Trường Lao động xã hội Thanh Xuân, quận Hải An, Thành phố Hải Phòng. Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Châu Lèo Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 224/KL – HĐĐG ngày 28/8/2020 của Hội đồng định giá tải sản huyện Thuận Châu kết luận: Tài sản định giá là chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, màu sơn đỏ đen bạc, BKS: 26B1 – 268.25 mua năm 2011 đã qua sử dụng, theo đề nghị của Công an huyện Thuận Châu tại Công văn số: 3339/YCĐG ngày 25/7/2020 có giá trị là 5.250.000đ (Năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Do có hành vi nêu trên, tại Cáo trạng số 61/CT- VKS ngày 12 tháng 5 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu đã truy tố bị cáo Lèo Văn T về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà, bị cáo Lèo Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân huyện Thuận Châu đã truy tố và thừa nhận bản cáo trạng truy tố bị cáo về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản là đúng người, đúng tội.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Thuận Châu giữ quyền công tố tại phiên toà trình bày lời luận tội, sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, cũng như qua xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lèo Văn T phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lèo Văn T từ 12 đến 18 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

Về bồi thường dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự:

Chấp nhận việc bị hại anh Lò Văn M đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu Lèo Văn T bồi thường gì khác.

Buộc bị cáo Lèo Văn T phải bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Cầm Văn U số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng).

Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ Luật Hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Châu đã trả lại cho bị hại anh Lò Văn M: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, màu sơn đỏ đen bạc, BKS: 26B1 - 268.25.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lèo Văn T.

Tại phiên tòa, bị cáo Lèo Văn T thừa nhận hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận gì với vị đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại anh Lò Văn M đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường và có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, thực hiện đúng thủ tục tố tụng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Cầm Văn U đã được tống đạt hợp lệ, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Xét việc vắng mặt của bị hại không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 292, khoản 3 Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Ngày 29/6/2020 Lèo Văn T đã có hành vi mượn chiếc xe mô tô BKS: 26B1 - 268.25 có giá trị là: 5.250.000 (Năm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) của anh Lò Văn M, sinh năm 1996, trú tại: Bản L, xã P, huyện T, tỉnh Sơn La, sau đó không trả lại cho chủ tài sản mà đem cầm cố cho anh Cầm Văn U lấy tiền chi tiêu cá nhân.

Tại phiên tòa bị cáo giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, không bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án, bị cáo hoàn toàn nhất trí với hành vi phạm tội như quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với kết quả điều tra, phù hợp với: Đơn trình báo của anh Lò Văn M, các biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; Bản ảnh nhận dạng; Kết luận định giá tài sản số: 224/KL – HĐĐG ngày 28/8/2020 của Hội đồng định giá tải sản huyện Thuận Châu; lời khai của người chứng kiến.

Từ các căn cứ trên có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lèo Văn T phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a "Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả" khoản 1 Điều 175 Bộ luật Hình sự, có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm", thuộc trường hợp ít nghiêm trọng.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an ninh xã hội tại địa phương. Do đó cần có mức hình phạt nghiêm khắc nhằm răn đe đối với bị cáo, đảm bảo biện pháp giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi áp dụng hình phạt cần xem xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Người bị hại tại phiên tòa có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung (phạt tiền): Bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, BKS: 26B1 - 268.25 mà Lèo Văn T chiếm đoạt của anh Lò Văn M: anh Lò Văn M đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu Lèo Văn T bồi thường gì khác. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Cầm Văn U yêu cầu bị cáo Lèo Văn T phải bồi thường cho số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) là tiền nhận cầm cố chiếc xe Lèo Văn T chiếm đoạt của anh Lò Văn M. Xét đây là yêu cầu hợp pháp của các đương sự, cần chấp nhận, căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự.

[6] Đối với Lò Văn Mẳn là người cho T mượn mũ bảo hiểm để về nhà tại bản P, xã N, huyện S vào ngày 29/6/2020, nhưng anh Mẳn không biết và không liên quan gì đến hành vi phạm tội của Lèo Văn T nên Cơ quan điều tra không đề cập đến vấn đề xử lý đối với Lò Văn Mẳn là có căn cứ.

Đối với người đàn ông Lèo Văn T khai nhận đã cầm cố chiếc xe mô tô BKS 26B1 - 268.25 được 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) vào ngày 29/6/2020, nhưng do T không biết họ tên đầy đủ và địa chỉ của người đàn ông này nên không có căn cứ điều tra xác minh.

Đối với Cầm Văn U là người đã nhận cầm cố của Lèo Văn T chiếc xe mô tô BKS 26B1 - 268.25 với số tiền 3.000.000đ vào ngày ngày 29/6/2020. Quá trình điều tra xác định được khi đồng ý cầm cố chiếc xe mô tô trên thì anh Út không biết đây là tài sản do Lèo Văn T chiếm đoạt của anh Lò Văn M mà có, do vậy không có căn cứ để xử lý Cầm Văn U về hành vi Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, theo quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Đối với Cầm Văn P là người được U gửi chiếc xe mô tô BKS 26B1 - 268.25 mà U cầm cố từ T, quá trình điều tra xác định P không biết về nguồn gốc chiếc xe mô tô trên nên cũng không có căn cứ để xử lý Cầm Văn P về hành vi Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, theo quy định tại Điều 323 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Đối với Lèo Văn O là người cho Lèo Văn T sống ở lán nương một thời gian, n quá trình điều tra xác định anh O không biết và không liên quan gì đến hành vi phạm tội của Lèo Văn T nên Cơ quan điều tra không đề cập đến vấn đề xử lý đối với Lèo

Văn O về hành vi Không tố giác tội phạm, quy định tại Điều 390 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[7] Vật chứng vụ án:

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, BKS: 26B1 - 268.25, quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của anh Lò Văn M bị Lèo Văn T chiếm đoạt vào ngày 29/6/2020, do đó Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Châu đã xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh Lò Văn M là có căn cứ, cần chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, cần áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Lèo Văn T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lèo Văn T phạm tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Lèo Văn T 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt truy nã, tạm giữ, tạm giam (ngày 23/3/2021).

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự:

Chấp nhận việc bị hại anh Lò Văn M đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu Lèo Văn T bồi thường gì khác.

Buộc bị cáo Lèo Văn T có trách nhiệm bồi thường số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng) cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Cầm Văn U.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án hợp pháp cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về vật chứng vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Chấp nhận việc Cơ quan điều tra Công an huyện Thuận Châu đã trả lại một chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, BKS: 26B1 - 268.25, màu sơn đỏ đen bạc cho anh Lò Văn M.

4. Án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Lèo Văn T.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Bị cáo Lèo Văn T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại anh Lò Văn M được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Cầm Văn U được quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Thuận Châu (02 bản);
- CA huyện Thuận Châu;
- Chi cục THADS huyện Thuận Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thanh Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Hà